|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **ỦY BAN NHÂN DÂN**  **TỈNH NINH THUẬN** |  | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ |  |  |
| Số: /KH-UBND |  | Ninh Thuận, ngày tháng 4 năm 2021 |

**KẾ HOẠCH**

**Thực hiện Nghị quyết số 06/NQ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2021 của**

**Chính phủ ban hành Chương trình hành động tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 24-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ**

**môi trường theo Kết luận số 56-KL/TW ngày 23 tháng 8 năm 2019**

**của Bộ Chính trị**

Thực hiện Nghị quyết số 06/NQ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 24-NQ/TW ngày 03 tháng 6 năm 2013 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường theo Kết luận số 56-KL/TW ngày 23 tháng 8 năm 2019 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 7 khóa XI về chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường; Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện, cụ thể như sau:

**I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU**

1. Nhằm nâng cao nhận thức, trách nhiệm của các ngành, các cấp và cán bộ, đảng viên, các tầng lớp nhân dân trong tỉnh về ý nghĩa, tầm quan trọng của Nghị quyết số 24-NQ/TW, Kết luận số 56-KL/TW và Nghị quyết số 06/NQ-CP; phát huy ưu điểm, kết quả đạt được, kịp thời chấn chỉnh, khắc phục những mặt hạn chế để tiếp tục thực hiện trong thời gian tới.

2. Xác định toàn diện các nhiệm vụ và giải pháp chủ yếu của Ủy ban nhân dân tỉnh nhằm quán triệt và chỉ đạo các ngành, các cấp tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 24-NQ/TW, Kết luận số 56-KL/TW, Nghị quyết số 13-NQ/TU ngày 12 tháng 8 năm 2013 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường và Kế hoạch số 1219/KH-UBND ngày 17 tháng 3 năm 2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện Nghị quyết số 13-NQ/TU, hướng tới phát triển bền vững.

3. Các ngành, các cấp tiếp tục triển khai thực hiện đạt hiệu quả các kế hoạch, chương trình, đề án, dự án về ứng phó với biến đổi khí hậu, quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường đã được phê duyệt và xây dựng, triển khai thực hiện các kế hoạch, chương trình, đề án, dự án mở mới giai đoạn đến năm 2025.

4. Phấn đấu đến năm 2025 thực hiện đạt một số mục tiêu cụ thể sau:

a) Về ứng phó với biến đổi khí hậu:

- Nâng cao năng lực ứng phó với biến đổi khí hậu; bảo đảm 100% các Sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và các đơn vị có liên quan xây dựng, ban hành và thực hiện Kế hoạch số 1492/KH-UBND ngày 27 tháng 4 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh về triển khai thực hiện Quyết định số 2053/QĐ-TTg ngày 28 tháng 10 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Kế hoạch thực hiện Thỏa thuận Paris về biến đổi khí hậu.

- Chủ động phòng, chống và giảm thiểu thiệt hại thiên tai, nhất là khu vực miền núi; hạn chế thấp nhất thiệt hại về người khi các loại hình thiên tai có cường độ, quy mô tương đương xảy ra. Chủ động phòng, chống triều cường, ngập lụt, xâm nhập mặn ở các địa phương ven biển.

b) Về quản lý tài nguyên:

- Tiếp tục điều tra, đánh giá tiềm năng, giá trị của các nguồn tài nguyên quan trọng; hoàn thiện công tác đo đạc, lập bản đồ, hồ sơ địa chính; triển khai điều tra, đánh giá lập bản đồ tài nguyên nước tỷ lệ 1:100.000.

- Quản lý và khai thác bền vững, sử dụng tiết kiệm, hiệu quả các nguồn tài nguyên; bảo đảm 100% hồ chứa lớn được kiểm soát, giám sát duy trì dòng chảy tối thiểu của lưu vực sông; tăng cường các hệ thống quan trắc, giám sát tự động, trực tuyến trên lưu vực sông Cái Phan Rang.

- Chuyển đổi cơ cấu sử dụng năng lượng theo hướng tăng tỷ lệ các nguồn năng lượng tái tạo.

c) Về bảo vệ môi trường:

- Xử lý 100% cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng; phấn đấu tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt đô thị được xử lý bằng phương pháp chôn lấp trực tiếp dưới 30% tổng lượng chất thải được thu gom; 30% tổng lượng nước thải tại các đô thị loại II trở lên và 10% đối với các đô thị từ loại V trở lên được thu gom và xử lý đạt tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật trước khi xả ra môi trường.

- Xử lý, cải tạo và phục hồi môi trường tại các khu vực bị ô nhiễm do hóa chất bảo vệ thực vật tồn lưu; 95% dân số đô thị được sử dụng nước sạch; 100% dân số nông thôn được sử dụng nước hợp vệ sinh.

- Bảo đảm độ che phủ rừng được duy trì ở mức 42%; tăng diện tích các khu đất ngập nước quan trọng được bảo vệ; tăng cường bảo vệ các loài nguy cấp ở Vườn Quốc gia Núi Chúa và Vườn Quốc gia Phước Bình.

**II. NHIỆM VỤ**

1. Nhiệm vụ về ứng phó với biến đổi khí hậu, phòng, chống và giảm nhẹ thiên tai:

a) Tiếp tục xây dựng năng lực dự báo, cảnh báo, chủ động phòng, chống và giảm nhẹ thiên tai, thích ứng với biến đổi khí hậu:

- Xây dựng và phát triển năng lực dự báo, cảnh báo về thiên tai; tăng cường áp dụng hệ thống theo dõi, giám sát thiên tai chuyên dùng; ứng dụng công nghệ chuẩn hóa và hiện đại. Xây dựng và thực hiện các chương trình phòng, chống, giảm nhẹ thiên tai. Hiện đại hóa hệ thống quan trắc, dự báo khí tượng thủy văn; triển khai xây dựng hệ thống giám sát biến đổi khí hậu, nước biển dâng.

- Tổ chức thực hiện hiệu quả các nội dung tại Công văn số 296/UBND-KTTH ngày 20 tháng 01 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh về triển khai Quyết định số 1055/QĐ-TTg ngày 20 tháng 7 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch quốc gia thích ứng với biến đổi khí hậu giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.

- Phát triển và nhân rộng các mô hình thích ứng với biến đổi khí hậu dựa trên hệ sinh thái (EbA), dựa vào cộng đồng (CbA) và dựa vào tự nhiên (NbS).

b) Triển khai thực hiện các biện pháp phòng, chống, hạn chế tác động của triều cường, ngập lụt, xâm nhập mặn:

- Tổ chức đánh giá rủi ro do biến đổi khí hậu theo vùng, khu vực trên địa bàn tỉnh; thường xuyên cập nhật các bản đồ nguy cơ ngập lụt theo kịch bản nước biển dâng đến cấp xã.

- Rà soát đánh giá kết quả triển khai thực hiện Đề án “Phát triển các đô thị Việt Nam ứng phó với biến đổi khí hậu giai đoạn 2013 - 2020”, đề xuất thực hiện Đề án giai đoạn 2021 – 2030.

- Đầu tư nâng công suất các nhà máy, hệ thống cung cấp nước sạch, đồng thời chuyển đổi việc sử dụng nước dưới đất sang sử dụng nước mặt; thực hiện các giải pháp hạn chế khai thác nước dưới đất nhằm giảm sụt lún, nhiễm mặn ở các vùng ven biển.

c) Giảm phát thải khí nhà kính, tăng cường khả năng hấp thụ khí nhà kính của các hệ sinh thái:

- Từng bước triển khai thực hiện kiểm kê khí nhà kính tại địa phương; đẩy mạnh áp dụng các biện pháp công nghệ và quản lý để giảm phát thải khí nhà kính; khuyến khích, thúc đẩy ứng dụng, chuyển giao công nghệ xanh, thân thiện với môi trường; tiếp tục thực hiện hiệu quả Kế hoạch số 1492/KH-UBND ngày 27 tháng 4 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh.

- Triển khai sử dụng tiết kiệm, hiệu quả năng lượng trong các lĩnh vực công nghiệp, xây dựng, giao thông vận tải,... đặc biệt đối với các cơ sở sử dụng năng lượng trọng điểm và các hộ gia đình. Thực hiện Chương trình quốc gia về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả giai đoạn 2019 - 2030 phê duyệt tại Quyết định số 280/QĐ-TTg ngày 13 tháng 3 năm 2019 của Thủ tướng Chính phủ và Kế hoạch số 964/KH-UBND ngày 27 tháng 3 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh về triển khai chương trình sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả giai đoạn 2020 – 2025, định hướng đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận.

- Tiếp tục thực hiện các hoạt động bảo vệ các bể hấp thụ khí nhà kính tự nhiên. Thực hiện Chương trình quốc gia về giảm phát thải khí nhà kính thông qua hạn chế mất và suy thoái rừng (REDD+); bảo tồn, nâng cao trữ lượng các-bon và quản lý bền vững tài nguyên rừng đến năm 2030 theo Quyết định số 419/QĐ-TTg ngày 05 tháng 4 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ.

d) Một số nhiệm vụ trọng tâm, cấp bách:

- Cập nhật, cụ thể hóa Kịch bản biến đổi khí hậu, nước biển dâng; xây dựng và cập nhật phân vùng rủi ro thiên tai, lập bản đồ cảnh báo thiên tai của tỉnh và chi tiết đến từng vùng, địa phương trên địa bàn tỉnh.

- Triển khai thực hiện hiệu quả Kế hoạch số 3478/KH-UBND ngày 15 tháng 8 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh về triển khai Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 18 tháng 6 năm 2018 của Chính phủ về công tác phòng, chống thiên tai trên địa bàn tỉnh; rà soát, hỗ trợ di dời dân cư ra khỏi các vùng có nguy cơ cao xảy ra lũ quét, sạt lở bờ sông, bờ biển, sạt lở núi, sạt lở đất và các nguy cơ thiên tai khác.

- Tiếp tục đầu tư, bảo đảm an toàn các hồ chứa nước; phát triển thủy lợi, nâng cao khả năng tưới, tiêu nước cho các vùng thường xuyên bị hạn hán, úng ngập nặng; đầu tư hoàn thiện và nâng cấp hệ thống đê biển, các công trình chống sạt lở ven sông, ven biển.

2. Nhiệm vụ về quản lý tài nguyên:

a) Về quản lý tài nguyên đất đai:

- Tiếp tục triển khai thực hiện, hoàn thành công tác đo đạc, lập bản đồ, hồ sơ địa chính, đánh giá đầy đủ tiềm năng đất đai phục vụ phát triển kinh tế - xã hội. Xây dựng và duy trì hệ thống quan trắc giám sát tài nguyên đất theo quy định của Luật đất đai; xây dựng và hoàn thiện cơ sở dữ liệu đất đai của tỉnh.

- Hoàn thiện, nâng cao chất lượng công tác quy hoạch sử dụng đất; xây dựng bộ tiêu chí, hệ thống theo dõi, giám sát, đánh giá quản lý và sử dụng đất hợp lý, hiệu quả và bền vững.

- Tăng cường bảo vệ, phòng chống hoang mạc hóa, sa mạc hóa, giảm thiểu và cải tạo phục hồi đất bị thoái hóa.

b) Về quản lý tài nguyên nước:

- Triển khai lập quy hoạch tài nguyên nước; thực hiện quan trắc, giám sát tài nguyên nước và giám sát các hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải vào nguồn nước. Xây dựng và phát triển hệ thống cảnh báo, dự báo lũ, lụt, hạn hán, xâm nhập mặn, nước biển dâng và các tác hại khác do nước gây ra.

- Từng bước triển khai áp dụng công cụ quan trắc, giám sát tự động trong công tác điều hòa, phân bổ nguồn nước cho các mục đích sử dụng trên cơ sở quy hoạch và phân vùng cấp phép khai thác, sử dụng nguồn nước.

- Tăng cường theo dõi, đánh giá, dự báo, thực hiện các giải pháp chống suy thoái, cạn kiệt nguồn nước; phòng, chống khô hạn, xâm nhập mặn, ưu tiên những vùng bị ảnh hưởng nặng; thực hiện các giải pháp tổng thể để tăng cường khả năng trữ nước ở những vùng, địa phương thường xuyên thiếu nước vào mùa khô và bị hạn hán.

- Thực hiện các giải pháp hạn chế khai thác nước dưới đất; tiếp tục triển khai cắm mốc hành lang bảo vệ nguồn nước; phòng chống sụt lún, sạt lở, bảo vệ lòng, bờ, bãi sông; bảo vệ không gian thoát lũ trên các lưu vực sông.

- Tổ chức triển khai hiệu quả các cơ chế điều phối, giám sát các hoạt động khai thác, bảo vệ tài nguyên nước; phòng chống tác hại do nước gây ra.

c) Về quản lý tài nguyên địa chất và khoáng sản:

- Tiếp tục triển khai hiệu quả quy hoạch thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng các loại khoáng sản, đấu giá khoáng sản; gắn khai thác với các dự án chế biến sâu, sử dụng tiết kiệm, hiệu quả tài nguyên khoáng sản.

- Đầu tư cho công tác điều tra cơ bản địa chất, thăm dò, đánh giá tiềm năng, trữ lượng, giá trị kinh tế khoáng sản; thực hiện tốt công tác bảo vệ tài nguyên khoáng sản chưa khai thác, công tác thống kê, kiểm kê trữ lượng, tài nguyên khoáng sản của tỉnh.

d) Về quản lý tài nguyên biển, thủy sản:

- Tập trung triển khai thực hiện Chương trình hành động số 246-CTr/TU ngày 02 tháng 01 năm 2019 của Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 36-NQ/TW ngày 22 tháng 10 năm 2018 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045, Quyết định số 897/QĐ-UBND ngày 12 tháng 6 năm 2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Nghị quyết số [26/NQ-CP](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/thuong-mai/nghi-quyet-26-nq-cp-2020-ke-hoach-thuc-hien-nghi-quyet-36-nq-tw-phat-trien-ben-vung-kinh-te-bien-436273.aspx) ngày 05 tháng 3 năm 2020 của Chính phủ ban hành Kế hoạch tổng thể và Kế hoạch 5 năm của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 36-NQ/TW ngày 22 tháng 10 năm 2018 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

- Tăng cường đầu tư cơ sở vật chất kỹ thuật phục vụ cho công tác quản lý tổng hợp tài nguyên và bảo vệ môi trường biển; tổ chức theo dõi, xác định các vùng bờ biển dễ bị tổn thương thuộc địa bàn quản lý; đề xuất các giải pháp quản lý, bảo vệ bờ biển.

- Tổ chức kiểm soát chặt chẽ hoạt động khai thác nguồn lợi thủy sản; ngăn chặn tình trạng đánh bắt thủy sản mang tính hủy diệt, không theo mùa vụ, khai thác hải sản bất hợp pháp, không khai báo và không theo quy định.

đ) Về quản lý năng lượng mới, năng lượng tái tạo và vật liệu mới:

- Thực hiện chuyển đổi cơ cấu sản xuất và sử dụng năng lượng theo hướng tăng mạnh tỷ trọng năng lượng mới, năng lượng tái tạo, năng lượng sạch. Triển khai thực hiện Nghị quyết số 55-NQ/TW ngày 11 tháng 02 năm 2020 của Bộ Chính trị về định hướng Chiến lược phát triển năng lượng quốc gia của Việt Nam đến 2030, tầm nhìn 2045.

- Khuyến khích các thành phần kinh tế tham gia đầu tư phát triển năng lượng mới, năng lượng tái tạo, nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu mới thân thiện với môi trường.

e) Một số nhiệm vụ trọng tâm, cấp bách:

- Triển khai điều tra và xây dựng bản đồ tài nguyên nước mặt và nước dưới đất của tỉnh; thực hiện các biện pháp tích nước, điều hòa, phân bổ, sử dụng tổng hợp, tiết kiệm, hiệu quả, bền vững tài nguyên nước; phát triển thủy lợi, giảm thất thoát, nâng cao khả năng tưới, tiêu, tăng cường áp dụng các biện pháp canh tác tiết kiệm nước.

- Thực hiện các giải pháp quản lý bảo vệ rừng tự nhiên; nghiên cứu, thực hiện có hiệu quả cơ chế cho phép kết hợp khai thác các giá trị kinh tế của rừng để góp phần giảm nghèo, phát triển kinh tế - xã hội các địa phương có rừng trên địa bàn tỉnh.

3. Nhiệm vụ về bảo vệ môi trường:

a) Chủ động phòng ngừa và kiểm soát các nguồn gây ô nhiễm, tác động xấu đến môi trường:

- Triển khai quản lý theo giấy phép môi trường để kiểm soát ô nhiễm; xử lý triệt để các cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng; thực hiện có hiệu quả quy định về khoảng cách an toàn môi trường; tăng cường rà soát, di dời các cơ sở sản xuất kinh doanh có nguy cơ ô nhiễm môi trường cao ra khỏi khu vực đô thị, khu dân cư tập trung.

- Tổ chức thực hiện hiệu quả Chương trình hành động quốc gia về sản xuất và tiêu dùng bền vững giai đoạn 2021 - 2030 theo Quyết định số 889/QĐ-TTg ngày 24 tháng 6 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ.

- Xây dựng và thực hiện kế hoạch quản lý chất lượng không khí của tỉnh; đầu tư xây dựng hệ thống quan trắc môi trường không khí; tăng diện tích cây xanh, công viên trong các đô thị và khu dân cư.

- Tiếp tục thực hiện bảo vệ môi trường nước mặt Sông Cái Phan Rang; đầu tư xây dựng hệ thống thu gom và xử lý nước thải ở các đô thị, khu, cụm công nghiệp; tăng cường quản lý chất thải rắn.

- Nâng cao năng lực ứng phó sự cố môi trường, sự cố tràn dầu và các hóa chất độc hại; xử lý có hiệu quả các vấn đề về ô nhiễm, sự cố môi trường gắn với bảo đảm quốc phòng an ninh, trật tự an toàn xã hội.

b) Khắc phục ô nhiễm, cải thiện chất lượng môi trường và điều kiện sống của nhân dân:

- Thực hiện các dự án bảo vệ, phục hồi, cải tạo, bổ sung không gian, mặt nước trong các đô thị, khu dân cư, nhất là các ao, hồ, kênh, mương, sông.

- Triển khai xử lý ô nhiễm môi trường do hóa chất bảo vệ thực vật tồn lưu trên địa bàn tỉnh; tiếp tục điều tra, đánh giá, khoanh vùng và cải tạo, phục hồi môi trường các khu vực tồn lưu hóa chất độc hại, thuốc bảo vệ thực vật.

- Tiếp tục thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường trong và sau khai thác khoáng sản; khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường biển, vùng ven biển, nhất là các khu đô thị, khu và cụm công nghiệp, khu du lịch, bãi tắm, khu nuôi trồng thủy sản.

- Thực hiện các mục tiêu, nội dung, giải pháp về cung cấp nước sạch trong Điều chỉnh Định hướng phát triển cấp nước đô thị và khu công nghiệp Việt Nam đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2050 theo Quyết định số 2502/QĐ-TTg ngày 22 tháng 12 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ và Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, nhất là cho người nghèo, vùng sâu, vùng xa và dân tộc thiểu số.

c) Bảo vệ và phát triển rừng, bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học:

- Tiếp tục thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp bảo vệ, phục hồi, tái sinh rừng tự nhiên; hạn chế chuyển đổi mục đích sử dụng đất rừng tự nhiên; tăng cường giao rừng cho cộng đồng; tổ chức xây dựng và thực hiện Chương trình phát triển lâm nghiệp bền vững giai đoạn 2021 – 2025.

- Thực hiện trồng rừng, nhất là rừng đầu nguồn lưu vực sông, rừng ngập mặn, rừng phòng hộ ven biển; thực hiện các giải pháp tăng cường năng lực, đề phòng, chống cháy rừng; ngăn chặn có hiệu quả nạn phá rừng.

- Rà soát, hoàn thiện thể chế quản lý các Vườn quốc gia thuộc phạm vi tỉnh; phát triển các khu bảo tồn thiên nhiên mới, bảo vệ các hành lang đa dạng sinh học; bảo vệ các hệ sinh thái tự nhiên trên địa bàn tỉnh có tầm quan trọng quốc gia, quốc tế.

- Chú trọng bảo vệ, khai thác hợp lý các hệ sinh thái tự nhiên; tiếp tục xây dựng cơ chế chi trả dịch vụ hệ sinh thái, phát triển du lịch sinh thái; phục hồi các hệ sinh thái quan trọng bị suy thoái, đặc biệt là các vùng đất ngập nước, các rạn san hô.

- Thực hiện các biện pháp bảo vệ các loài nguy cấp, quý hiếm được ưu tiên bảo vệ theo quy định của pháp luật; ngăn ngừa, kiểm soát chặt chẽ và phòng trừ có hiệu quả các loài sinh vật ngoại lai xâm hại.

d) Một số nhiệm vụ trọng tâm, cấp bách:

- Thực hiện hiệu quả quy định tiêu chí môi trường để lựa chọn, quyết định đầu tư phát triển. Phân loại các dự án từ giai đoạn chuẩn bị đầu tư, chủ động phòng ngừa, kiểm soát nhóm các dự án có nguy cơ gây ô nhiễm cao.

- Chủ động thực hiện các biện pháp phòng ngừa, giám sát chặt chẽ các cơ sở có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường cao, có quy mô xả thải lớn; yêu cầu thực hiện nghiêm quy định về lắp đặt hệ thống quan trắc tự động, kết nối, truyền số liệu trực tiếp cho cơ quan quản lý môi trường.

- Tiếp tục thực hiện Kế hoạch hành động quốc gia về quản lý rác thải nhựa đại dương đến năm 2030 đã được phê duyệt tại Quyết định số [1746/QĐ-TTg](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/tai-nguyen-moi-truong/quyet-dinh-1746-qd-ttg-2019-ke-hoach-hanh-dong-quoc-gia-ve-quan-ly-rac-thai-nhua-dai-duong-430378.aspx) ngày 04 tháng 12 năm 2019 của Thủ tướng Chính phủ.

- Tiếp tục triển khai thực hiện Kế hoạch hành động quản lý rác thải nhựa đại dương trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận đến năm 2030 đã được Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành tại Kế hoạch số 1526/KH-UBND ngày 29 tháng 4 năm 2020.

- Kiểm soát, ngăn chặn, xử lý ô nhiễm môi trường nông thôn, đặc biệt ở các làng nghề; xây dựng và thực hiện các tiêu chí môi trường trong Chương trình mục tiêu quốc gia nông thôn mới.

- Từng bước triển khai phân loại chất thải rắn tại nguồn, thu phí theo khối lượng chất thải phát sinh, thiết lập hệ thống thu gom, xử lý chất thải đồng bộ; tái sử dụng, tái chế chất thải, xử lý kết hợp thu hồi năng lượng theo nguyên lý kinh tế tuần hoàn; kiểm soát và quản lý hiệu quả chất thải nguy hại, chất thải y tế.

- Đẩy mạnh khuyến khích các doanh nghiệp đầu tư xử lý chất thải rắn, nước thải và xã hội hóa công tác thu gom, xử lý chất thải.

**III. GIẢI PHÁP**

1. Nâng cao nhận thức và ý thức trách nhiệm về chủ động phòng, chống thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu, tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường:

a) Tiếp tục triển khai thực hiện tuyên truyền, hướng dẫn thi hành pháp luật, tạo sự thống nhất trong toàn xã hội về nhận thức và hành động trong phòng, chống thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu, quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường. Triển khai phổ biến, quán triệt quan điểm, nhận thức và đặt yêu cầu phòng, chống thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu, quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường ở vị trí trung tâm của các quyết định phát triển của tỉnh; coi môi trường là điều kiện, nền tảng, yếu tố tiên quyết cho phát triển kinh tế - xã hội bền vững, không đánh đổi môi trường lấy tăng trưởng kinh tế.

b) Tiếp tục đưa nội dung về phòng, chống thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu, quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường vào chương trình giáo dục, đào tạo các cấp, đào tạo cán bộ lãnh đạo, quản lý của tỉnh.

c) Xây dựng và thực hiện tiêu chí, chuẩn mực về môi trường trong các cơ quan, đơn vị, tổ chức, doanh nghiệp, cộng đồng dân cư; hình thành các thiết chế văn hóa, đạo đức môi trường trong xã hội.

d) Tăng cường theo dõi phát hiện, nhân rộng các mô hình hay, cách làm tốt; kịp thời khen thưởng, biểu dương các tập thể, cá nhân có thành tích, sáng kiến trong phòng, chống thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu, quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường.

đ) Thực hiện đánh giá kết quả bảo vệ môi trường hàng năm đối với các địa phương, công khai trên các phương tiện thông tin đại chúng của tỉnh.

2. Tập trung hoàn thiện chính sách pháp luật, kiện toàn hệ thống cơ quan quản lý nhà nước về ứng phó với biến đổi khí hậu, quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường:

a) Triển khai thực hiện cơ chế minh bạch hóa trong quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên, đặc biệt đối với tài nguyên đất, tài nguyên khoáng sản và tài nguyên nước.

b) Xây dựng thực hiện quy chế phối hợp liên ngành, liên huyện; quy chế giải quyết tranh chấp, xung đột trong ứng phó với biến đổi khí hậu, quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường.

c) Triển khai thực hiện cơ chế chính sách chuyển đổi sang kinh tế số; phát triển và nhân rộng các mô hình kinh tế tuần hoàn, kinh tế xanh, các-bon thấp.

d) Tiếp tục kiện toàn tổ chức bộ máy, tăng cường năng lực đội ngũ cán bộ quản lý về ứng phó với biến đổi khí hậu, quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường. Thực hiện các giải pháp đẩy mạnh quản trị môi trường trong các doanh nghiệp.

đ) Đẩy mạnh thực hiện cải cách thủ tục hành chính theo hướng tạo sự bình đẳng, thông thoáng, thuận lợi, giảm chi phí tuân thủ cho doanh nghiệp và người dân. Nâng cao trách nhiệm giải trình, tính công khai, minh bạch trong ứng phó với biến đổi khí hậu, quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường.

3. Nâng cao năng lực và hiệu quả thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm, tăng cường giám sát thực thi pháp luật trong ứng phó với biến đổi khí hậu, quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường:

a) Nâng cao năng lực, cung cấp, đầu tư phương tiện, trang thiết bị, cơ sở vật chất kỹ thuật phục vụ công tác thanh tra, kiểm tra việc chấp hành pháp luật về tài nguyên và môi trường cho các cơ quan chức năng, các địa phương.

b) Hàng năm các cơ quan chức năng, các địa phương lập kế hoạch thanh tra, kiểm tra có trọng tâm, trọng điểm, xác định rõ phạm vi, đối tượng, nội dung, thời gian, bảo đảm tính khả thi, tránh chồng chéo và tiết kiệm nguồn lực.

c) Xây dựng và thực hiện quy chế phối hợp giữa các cấp, các ngành, các địa phương, các lực lượng chức năng trong điều tra, xử lý vi phạm pháp luật, đấu tranh phòng chống tội phạm về tài nguyên và môi trường.

d) Thực hiện cung cấp, công khai, minh bạch thông tin; thực hiện hiệu quả công tác giám sát của cộng đồng và phản biện xã hội trong quản lý tài nguyên và môi trường.

đ) Đẩy mạnh ứng dụng các nền tảng công nghệ thông tin, mạng xã hội, tiếp tục duy trì, phát huy hiệu quả của các đường dây nóng... nhằm phát hiện và xử lý kịp thời các vi phạm pháp luật trong quản lý tài nguyên và môi trường.

e) Tăng cường kiểm tra ngăn chặn, xử lý nghiêm các hành vi vi phạm về xả thải gây ô nhiễm môi trường, ô nhiễm nguồn nước; quản lý, sử dụng đất; hoạt động thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng các loại khoáng sản, đặc biệt là khai thác cát, sỏi; khai thác rừng trái phép trên phạm vi toàn tỉnh.

4. Đẩy mạnh nghiên cứu khoa học, ứng dụng công nghệ trong ứng phó với biến đổi khí hậu, quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường:

a) Triển khai thực hiện đổi mới công nghệ sản xuất theo hướng thân thiện với môi trường, sử dụng tiết kiệm, hiệu quả năng lượng và tài nguyên, khuyến khích ứng dụng các kỹ thuật tốt nhất hiện có (BAT).

b) Thực hiện đổi mới, sáng tạo, chuyển đổi số, ứng dụng công nghệ hiện đại, công nghệ thông tin và các thành tựu của cách mạng công nghiệp 4.0 trong ứng phó với biến đổi khí hậu, quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường.

c) Rà soát, đánh giá tổng thể các chương trình khoa học và công nghệ, lồng ghép các nội dung về ứng phó với biến đổi khí hậu, quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường trong các chương trình khoa học và công nghệ cấp tỉnh phù hợp trong giai đoạn 2021 - 2025.

d) Nâng cao năng lực, tăng cường quan trắc tài nguyên và môi trường; tham gia xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia về biến đổi khí hậu, tài nguyên và môi trường và thực hiện chia sẻ thông tin, dữ liệu giữa các bộ, ngành, địa phương và các bên liên quan theo cơ chế, quy định của Trung ương.

5. Đổi mới cơ chế tài chính, tăng chi ngân sách và đa dạng hóa nguồn vốn đầu tư cho ứng phó với biến đổi khí hậu, quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường:

a) Đổi mới cơ chế quản lý, tăng dần và sử dụng có hiệu quả nguồn lực tài chính từ ngân sách nhà nước cho ứng phó với biến đổi khí hậu, quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường.

b) Tiếp nhận và triển khai hiệu quả các nguồn vốn phi chính phủ, quỹ tài chính quốc tế từ các tổ chức quốc tế trong nước và ngoài nước đảm bảo nguồn tài chính cho hoạt động ứng phó với thiên tai, biến đổi khí hậu, quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường.

c) Phối hợp triển khai phát triển thị trường hàng hóa, dịch vụ môi trường, thị trường các - bon, các hình thức đối tác công tư (PPP).

6. Chủ động hợp tác, hội nhập quốc tế về ứng phó với biến đổi khí hậu, quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường:

a) Tiếp tục tham gia có hiệu quả các điều ước quốc tế Việt Nam ký kết, tham gia trong ứng phó với biến đổi khí hậu, quản lý tài nguyên và môi trường.

b) Thực hiện các giải pháp nâng cao hiệu quả hợp tác quốc tế để huy động nguồn lực, tiếp nhận công nghệ tiên tiến, nhằm hỗ trợ cho tỉnh trong ứng phó với biến đổi khí hậu, quản lý tài nguyên và môi trường.

**V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

1. Thủ trưởng các Sở, Ban, ngành, hội, đoàn thể cấp tỉnh và Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố tiếp tục chỉ đạo tổ chức thực hiện các nội dung của Nghị quyết số 24-NQ/TW, Kết luận số 56-KL/TW, Nghị quyết số 06/NQ-CP, Nghị quyết số 13-NQ/TU, Kế hoạch số 1219/KH-UBND và các nội dung tại Kế hoạch này; định kỳ, hằng năm báo cáo kết quả thực hiện cho Ủy ban nhân dân tỉnh (thông qua Sở Tài nguyên và Môi trường để theo dõi, tổng hợp).

2. Các cơ quan chuyên môn của tỉnh và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố phối hợp với Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các hội, đoàn thể tuyên truyền, vận động nhân dân tích cực tham gia giám sát việc thực hiện Nghị quyết của Đảng, Chính phủ và chính sách pháp luật về phòng, chống thiên tai, chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường.

3. Sở Thông tin và Truyền thông phối hợp với các Sở, Ban, ngành, hội, đoàn thể và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố hướng dẫn, chỉ đạo các cơ quan báo chí, phát thanh và truyền hình của tỉnh tổ chức tuyên truyền sâu rộng đến người dân trong tỉnh các chủ trương chính sách, pháp luật về công tác phòng, chống thiên tai, chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường.

4. Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với các Sở, Ban, ngành, và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố theo dõi, đôn đốc việc triển khai thực hiện Kế hoạch này và tổng hợp, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo tình hình thực hiện khi có yêu cầu.

Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu cần sửa đổi, bổ sung những nội dung cụ thể, đề nghị các Sở, Ban, ngành, và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố chủ động đề xuất các biện pháp để thực hiện đồng bộ và có hiệu quả, gửi Sở Tài nguyên và Môi trường để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***  - Bộ Tài nguyên và Môi trường;  - Thường trực: Tỉnh ủy, HĐND tỉnh;  - Chủ tịch và các PCT UBND tỉnh;  - Các Sở, ban, ngành liên quan;  - UBND các huyện, thành phố;  - Ủy ban MTTQVN, Đoàn thể cấp tỉnh;  - Đài PT và TH tỉnh, Báo Ninh Thuận;  - VPUB: LĐ, các Phòng, Ban, Trung tâm;  - Lưu VT. KTTH, TT | **KT. CHỦ TỊCH**  **PHÓ CHỦ TỊCH**    **Lê Huyền** |